

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Lâm Tự.

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Mỹ X, sinh ngày 20/02/1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng).

CCCD: , ngày 26/4/2021.

- Bị đơn: Ông Lâm D, sinh ngày 01/01/1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng).

CCCD: , ngày 26/4/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2025, nguyên đơn bà Kim Mỹ X trình bày: Bà và ông D tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04/4/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có hai con

chung tên Lâm Thị Phương T, sinh ngày 14/3/2016 và Lâm Quốc K, sinh ngày 09/4/2018 và hiện các con chung đang sống cùng bà. Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Về hôn nhân: Bà Kim Mỹ X được ly hôn với ông Lâm D.

- Về con chung: Bà X yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Lâm Thị Phương T, sinh ngày 14/3/2016 và Lâm Quốc K, sinh ngày 09/4/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà X không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm D vắng mặt, quá trình giải quyết có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: Ông thông nhất với nội dung trình bày của bà X trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản và không nợ chung. Về hôn nhân thì ông đồng ý ly hôn với bà X, đồng ý giao hai con chung Lâm Thị Phương T, sinh ngày 14/3/2016 và Lâm Quốc K, sinh ngày 09/4/2018 cho bà X nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng cho con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy bà X yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, ông D đồng ý với các yêu cầu của bà X nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X, công nhận thuận tình ly hôn cho bà X và ông D. Đối với con chung giao cho bà X được nuôi dưỡng hai con chung theo nguyện vọng của con. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà X và ông D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà X khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà X và ông D tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà X có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà X và ông D đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông D đã được thông báo về việc bà X khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông D là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà X và ông D.

[3] Về con chung: Bà X và ông D có hai người con chung là tên Lâm Thị Phương T, sinh ngày 14/3/2016 và Lâm Quốc K, sinh ngày 09/4/2018 đang sống với bà X. Đối với con chung Phương T có nguyện vọng sống với mẹ và ông D cũng đồng ý giao hai con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà D được nuôi dưỡng con chung Lâm Thị Phương T và Lâm Quốc K. Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Bà X và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc cấp dưỡng cho con.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Kim Mỹ X và ông Lâm D.

2. Về con chung: Giao cho bà Kim M Xoan được nuôi dưỡng hai con chung tên Lâm Thị Phương T, sinh ngày 14/3/2016 và Lâm Quốc K, sinh ngày 09/4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lâm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Kim Mỹ X và ông Lâm D mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Kim Mỹ X đã nộp xong án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng còn dư 225.000 đồng theo biên lai thu số 0001885 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc,
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai